TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tân

Bà Trịnh Tiểu Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1997, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 9B, xã M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1989, (vắng mặt);

Địa chỉ: Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2022, nguyên đơn chị A trình bày: Năm 2018, chị và anh B quen biết nhau thông qua giới thiệu của bạn bè, sau đó tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân. Chị và anh B đăng ký kết hôn tại Phòng Dân chính thành phố O, Trung Quốc vào ngày 19/6/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Trung Quốc. Tuy nhiên, chị A và anh B chưa thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam được. Sau khi kết hôn, chị A sang Trung Quốc chung sống với anh B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh B có hành vi bạo lực và thường xuyên nhốt chị A ở trong nhà, không cho chị A đi ra ngoài. Tháng 8 năm 2018 chị A bỏ trốn về Việt Nam và sống ly thân với anh B cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn với anh B nên chị

A yêu cầu được ly hôn với anh B. Trường hợp Tòa án không công nhận vợ chồng thì chị A đồng ý.

Về con chung: Chị A xác định chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho anh B, đồng thời, anh B không có văn bản trả lời về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị A, anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị A và anh B là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B đang cư trú tại địa chỉ: , Trung Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được văn bản thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh B và anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn

cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc. Theo chị A, quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh B có hành vi hành hung chị A nên chị A bỏ trốn về Việt Nam sinh sống từ đầu tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống chung với anh B nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B.

Đối với anh B được tống đạt văn bản tố tụng nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh B đối với yêu cầu của chị Ly.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, chị A xác định sau khi đăng ký kết hôn tại Trung Quốc đến nay, chị A không đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để làm thủ tục ghi chú việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*", tuy nhiên, việc kết hôn giữa chị A và anh B không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nên không có giá trị pháp lý, đồng thời, cũng chưa thực hiện thủ tục ghi chú việc kết hôn nên không được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng.

[7] Về con chung: Chị A xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Chị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000203 ngày 12/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp tổng cộng 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), chị A đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0000087 ngày 23/8/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt